**MỤC LỤC**

**BÀI 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT**

1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

**Câu hỏi ôn tập**

**BÀI 2: LUẬT NHÀ NƯỚC (LUẬT HIẾN PHÁP)**

1. Luật Nhà nước trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013

**Câu hỏi ôn tập**

**BÀI 3: PHÁP LUẬT DÂN SỰ**

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

2. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

**Câu hỏi ôn tập**

**BÀI 4: PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG**

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2. Một số nội dung của Bộ Luật lao động

**Câu hỏi ôn tập**

**BÀI 5: PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH**

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính

2. Một số nội dung của Hành chính

**Câu hỏi ôn tập**

**BÀI 6: PHÁP LUẬT HÌNH SỰ**

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự

2. Một số nội dung của Hình sự

**Câu hỏi ôn tập**

**BÀI 7: PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

1. Khái niệm về tham nhũng

2. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng

3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

4. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng

**Câu hỏi ôn tập**

**BÀI 8: PHÁP LUẬT BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG**

1. Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng

2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người tiêu dùng

3. Các hành vi bị cấm trong pháp luật bảo vệ người tiêu dùng

4. Hội bảo vệ người tiêu dung

5. Phương thức giải quyết tranh chấp trong pháp luật bảo vệ người tiêu dùng

**Câu hỏi ôn tập**

**BÀI 1**

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT**

**Giới thiệu:**

Bài học có ý nghĩa rất quan trọng trong chương trình, nó giúp người học hệ thống hết các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCNVN hiện nay. Bên cạnh đó người học nhận biết các thành tố cấu thành nên hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay. Làm nền tảng vững chắc để vào môn học.

**Mục tiêu:**

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

**-** Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

**Nội dung chính:**

**1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

***1.1. Bản chất, chức năng nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN)***

***1.1.1. Bản chất nhà nước CHXHCNVN***

Nhà nước CHXHCNVN là kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa, là nhà nước kiểu mới có bản chất khác hẳn với các nhà nước bóc lột. Cũng như mọi nhà nước đều là công cụ thống trị của một giai cấp, nhà nước ta là công cụ thống trị của giai cấp công nhân, là sự thống trị của đa số nhân dân lao động đối với thiểu số giai cấp bóc lột đã bị đánh đổ nhưng vẫn tìm trăm phương nghìn kế để khôi phục địa vị thống trị của nó. Nó khác hẳn với sự thống trị của giai cấp bóc lột trong nhà nước bóc lột, là sự thống trị của thiểu số đối với đa số nhân dân lao động để bảo vệ lợi ích của chúng.

Sự thống trị của giai cấp công nhân là nhằm mục đích giải phóng giai cấp mình và tất cả mọi người lao động.

Bản chất của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định tại điều 2 Hiến pháp năm 2013: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức". Như vậy tính nhân dân và quyền lực nhân dân là nét cơ bản xuyên suốt, thể hiện bản chất của nhà nước CHXHCNVN

Những đặc trưng cơ bản của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

*\*Tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân*

Nhà nước của nhân dân, do nhân dân mà nòng cốt là liên minh công nông và tầng lớp trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Với tư cách là chủ thể cao nhất của quyền lực nhà nước, nhân dân thực hiện quyền lực dưới những hình thức khác nhau, trong đó hình thức cơ bản nhất là nhân dân thông qua bầu cử để lập ra các cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của mình.

*\* Nhà nước CHXHCNVN là một nhà nước dân chủ thực sự và rộng rãi*

Bản chất dân chủ XHCN của nhà nước CHXHCNVN thể hiện một cách toàn diện trên mọi lĩnh vực.

+ Trong lĩnh vực kinh tế: nhà nước thực hiện chủ trương tự do, bình đẳng về kinh tế, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, cho phép mọi đơn vị kinh tế đều có thể hoạt động theo cơ chế tự chủ trong sản xuất kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau và bình đẳng trước pháp luật, coi trọng lợi ích kinh tế của người lao động, đồng thời kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích xã hội.

+ Trong lĩnh vực chính trị: xác lập và thực hiện cơ chế dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội đóng góp ý kiến về vấn đề đường lối, chính sách, các dự thảo văn bản pháp luật, đảm bảo cho dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

+ Trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và xã hội: nhà nước thực hiện chủ trương tự do tư tưởng và giải phóng tinh thần, phát huy mọi khả năng của con người, quy định một cách toàn diện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, hội họp, học hành, lao động, nghỉ ngơi, tín ngưỡng... và đảm bảo cho mọi người được hưởng quyền đó.

*\* Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam*

Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc thể hiện dưới 4 hình thức cơ bản sau đây:

+ Xây dựng một cơ sở pháp lý vững chắc cho việc thiết lập và củng cố đại đoàn kết dân tộc

+ Toàn bộ hệ thống chính trị bao gồm các tổ chức Đảng, Công đoàn, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc... đều coi việc thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc, xây dựng Nhà nước Việt Nam thống nhất là mục tiêu chung, là nguyên tắc hoạt động của tổ chức mình.

+ Nhà nước luôn ưu tiên dân tộc ít người, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện để các dân tộc giúp đỡ nhau cùng tồn tại và phát triển trên cơ sở hợp tác đoàn kết vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Chú ý hoàn cảnh của mỗi địa phương để xây dựng bản sắc riêng của dân tộc Việt Nam, đầy đủ tính phong phú mà vẫn nhất quán, thống nhất.

*\* Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

Mọi hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội đều phải đặt trong khuôn khổ pháp luật. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh đồng bộ nhằm điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội. Quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

*\* Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện tính xã hội rộng rãi*

Nhà nước đã quan tâm giải quyết vấn đề của toàn xã hội như: xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, đầu tư cho việc phòng chống thiên tai, giải quyết các vấn đề bức xúc như chăm sóc sức khỏe nhân dân, giải quyết việc làm, giúp đỡ người già cô đơn, trẻ mồ côi, phòng và chống các tệ nạn xã hội...

*\* Nhà nước thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị*

Chính sách và hoạt động đối ngoại của Nhà nước CHXHCN Việt Nam thể hiện khát vọng hòa bình của nhân dân Việt Nam, thể hiện mong muốn hợp tác trên tinh thần hòa bình, hữu nghị và cùng có lợi với tất cả các quốc gia, với phương châm Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới; thể hiện đường lối đối ngoại mở cửa của nhà nước Việt Nam.

***1.1.2. Chức năng của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam***

Chức năng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là những phương diện hoạt động cơ bản của Nhà nước, phản ánh bản chất giai cấp, ý nghĩa xã hội, mục đích, nhiệm vụ của Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Xác định căn cứ vào phạm vi hoạt động của nhà nước, các chức năng nhà nước được chia thành chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

***a. Chức năng đối nội***

*\* Chức năng tổ chức và quản lý kinh tế*

Đây là chức năng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không chỉ là tổ chức của quyền lực chính trị mà còn là chủ sở hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu, trực tiếp tổ chức và quản lý nền kinh tế đất nước. Nội dung của hoạt động tổ chức và quản lý kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất; tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm... thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa... phát huy mạnh mẽ vai trò then chốt của khoa học và công nghệ; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác đầu tư, kinh tế đối ngoại.

*\* Chức năng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội*

Thực hiện chức năng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhà nước quan tâm xây dựng các lực lượng an ninh, các cơ quan bảo vệ pháp luật (công an nhân dân, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân...) thực sự trở thành công cụ sắc bén, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân. Bên cạnh việc xây dựng các lực lượng có nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phải huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sức mạnh của toàn dân và các lực lượng vũ trang trong cuộc đấu tranh này.

*\* Chức năng tổ chức và quản lý văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ*

Nhà nước xây dựng hệ thống các cơ quan tổ chức quản lý văn hóa, văn học - nghệ thuật, khoa học, giáo dục thể thao, các phương tiện thông tin đại chúng; đào tạo đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời xây dựng hệ thống cơ sở vật chất tương xứng với yêu cầu thực tế của các lĩnh vực công tác đó. Hệ thống các trường học, cơ quan nghiên cứu, nhà in, xuất bản, báo chí, truyền hình, truyền thanh, điện ảnh, sân khấu, bảo tàng, thư viện dần được kiện toàn và đổi mới phương thức hoạt động nâng cao chất lượng phục vụ.

*\* Chức năng bảo vệ trật tự pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*

Đây là chức năng quan trọng liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các chức năng khác của nhà nước. Pháp luật là phương tiện quan trọng để nhà nước tổ chức thực hiện có hiệu quả tất cả các chức năng của mình. Nhà nước không ngừng hoàn thiện công tác xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, kiểm tra giám sát việc tuân thủ pháp luật của toàn xã hội; đồng thời tăng cường củng cố các cơ quan bảo vệ pháp luật, bảo đảm xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi vi phạm pháp luật. Đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân, đẩy mạnh các hoạt động phòng ngừa vi phạm pháp luật.

*\* Chức năng thực hiện, bảo vệ và phát huy các quyền tự do, dân chủ của nhân dân*

Nhà nước thể chế hóa quyền tự do, dân chủ của nhân dân trên các lĩnh vực đời sống xã hội, xây dựng các thiết chế, công cụ có hiệu lực bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ đó trên thực tế. Trong hoạt động của mình, nhà nước có mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân và đấu tranh không khoan nhượng, trừng trị kịp thời mọi hành vi vi phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân.

***b. Các chức năng đối ngoại***

*\* Chức năng bảo vệ Tổ quốc*

Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh; quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại... Đầu tư thích đáng cho công nghiệp quốc phòng, trang thiết bị hiện đại cho quân đội, công an...

*\* Chức năng mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực.*

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

***1.2. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

***1.2.1. Khái niệm bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

Nhà nước là tổ chức quyền lực, đại diện cho nhân dân thống nhất quản lý mọi mặt đời sống xã hội. Để thực hiện được nhiệm vụ đó với phạm vi rộng lớn trên toàn lãnh thổ, đòi hỏi phải lập ra hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương. Các cơ quan nhà nước này có cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động phù hợp với tính chất của các chức năng, nhiệm vụ mà nhà nước giao. Tuy có sự khác nhau về tên gọi, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động, nhưng tất cả các cơ quan nhà nước đều có chung một mục đích là thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Vậy có thể hiểu: *Bộ máy nhà nước là tổng thể các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương được tổ chức theo những nguyên tắc chung, thống nhất, tạo thành một cơ chế đồng bộ để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước.*

***1.2.2. Các loại cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

+ Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước: Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Cơ quan quyền lực nhà nước là cơ quan do nhân dân trực tiếp bầu ra, nhân danh nhân dân để thực hiện và thực thi một cách thống nhất quyền lực, phải chịu trách nhiệm và phải báo cáo trước nhân dân về mọi hoạt động của mình. Tất cả các cơ quan khác của bộ máy nhà nước đều do cơ quan quyền lực nhà nước trực tiếp hoặc gián tiếp thành lập ra và đều chịu sự giám sát của các cơ quan quyền lực nhà nước. Cơ quan quyền lực nhà nước gồm Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Quốc hội có nhiệm vụ quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước. Thành phần của Quốc hội gồm có: Chủ tịch Quốc hội, các Phó chủ tịch Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và các đại biểu Quốc hội

Nhiệm kỳ của Quốc hội là 5 năm; Quốc hội hoạt động thông qua các kỳ họp; mỗi năm họp 2 kỳ do Ủy ban thường vụ Quốc hội triệu tập.

Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân trực tiếp bầu ra, phải chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ quyết định các chủ trương, biện pháp quan trọng để xây dựng và phát triển địa phương; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Ủy ban nhân dân, việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang và công dân ở địa phương.

Nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân các cấp tương tự như nhiệm kỳ Quốc hội.

+ Chủ tịch nước: là người đứng đầu nhà nước, thay mặt nhà nước về đối nội và đối ngoại. Chủ tịch nước do Quốc hội bầu ra trong số đại biểu Quốc hội, phải báo cáo công tác trước Quốc hội, nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

+ Hệ thống cơ quan quản lý còn gọi là cơ quan chấp hành, điều hành, hoặc cơ quan hành chính nhà nước. Ở Việt Nam, hệ thống cơ quan quản lý gồm: Chính phủ, Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

Chính phủ là cơ quan quản lý nhà nước cao nhất, có thẩm quyền chung.

Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh...

Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Chính phủ gồm có Thủ tướng, các Phó thủ tướng, các Bộ trưởng và các thành viên khác, ngoài Thủ tướng Chính phủ, các thành viên khác không nhất thiết phải là đại biểu Quốc hội.

Nhiệm kỳ của Chính phủ theo nhiệm kỳ của Quốc hội, khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chính phủ tiếp tục làm việc cho đến khi Quốc hội mới thành lập Chính phủ mới.

Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, là cơ quan có thẩm quyền chung, thực hiện sự quản lý thống nhất mọi mặt đời sống xã hội ở địa phương. Tổ chức của Ủy ban nhân dân được phân theo 3 cấp: cấp tỉnh và thành phố trung ương, cấp huyện, quận, thị xã và cấp xã, phường, thị trấn.

Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước cơ quan quản lý cấp trên và Hội đồng nhân dân cùng cấp

Ủy ban nhân dân các cấp thành lập nên các sở, phòng, ban chuyên môn ở địa phương. Các cơ quan này có nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý chuyên môn trong phạm vi lãnh thổ địa phương và trực thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan quản lý chuyên ngành cấp trên.

+ Hệ thống cơ quan xét xử

Đây là cơ quan có tính đặc thù, chúng trực thuộc cơ quan quyền lực nhà nước, chịu trách nhiệm báo cáo trước cơ quan quyền lực nhà nước, nhưng hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Hệ thống cơ quan xét xử ở Việt Nam gồm có:

- Hệ thống tòa án nhân dân bao gồm:

* Tòa án nhân dân Tối cao;
* Tòa án nhân dân cấp cao;
* Tòa án nhân dân cấp tỉnh và các cấp tương đương;
* Tòa án nhân dân cấp huyện và các cấp tương đương.

- Hệ thống Tòa án quân sự bao gồm:

* Tòa án quân sự Trung ương;
* Tòa án quân sự Quân khu; Tòa án quân sự Khu vực và Quân chủng
* Nhiệm vụ, thẩm quyền, chức năng của tòa án nhân dân các cấp được quy định cụ thể trong luật Tổ chức và hoạt động tòa án nhân dân.

- Hệ thống cơ quan kiểm sát ở Việt Nam gồm có:

* Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
* Viện kiểm sát nhân dân địa phương gồm có: Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và các cấp tương đương, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và các cấp tương đương
* Hệ thống Viện kiểm sát quân sự gồm có: Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát quân sự quân khu và Viện kiểm sát quân sự khu vực và quân chủng

Chức năng của viện kiểm sát là thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tố tụng nhằm đảm bảo cho hoạt động tố tụng đúng pháp luật.

***1.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa là những nguyên lý, những tư tưởng chỉ đạo đúng đắn, khách quan và khoa học, phù hợp với bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa, tạo thành cơ sở cho tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước và toàn thể bộ máy nhà nước.

Những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam được thể hiện cụ thể sau:

***1.3.1. Nguyên tắc đảm bảo quyền lực nhân dân trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước***

Nguyên tắc này bắt nguồn từ bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân trở thành chủ thể của quyền lực nhà nước, nhân dân tổ chức, thực hiện và kiểm tra hoạt động bộ máy nhà nước.

Điều 28 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội". Nhân dân lao động tham gia vào tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước bằng nhiều hình thức phong phú như: bầu cử, ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự án luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và nhân viên cơ quan nhà nước, tham gia hoạt động xét xử của tòa án...

***1.3.2. Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước***

Sự lãnh đạo của Đảng giữ vai trò quyết định đối với việc xác định phương hướng hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa, là điều kiện quyết định để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng là sự lãnh đạo chính trị thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng lớn; những vấn đề quan trọng về tổ chức bộ máy và thông qua nhà nước chúng được thể chế hóa thành pháp luật. Đảng giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước thông qua các Đảng viên và tổ chức Đảng trong các cơ quan đó; tuyên truyền, vận động quần chúng trong các cơ quan nhà nước và thông qua vai trò tiền phong, gương mẫu của mỗi Đảng viên, tổ chức Đảng trong các cơ quan nhà nước.

Đây là nguyên tắc đã được Điều 4 Hiến pháp 2013 khẳng định: "Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội"

***1.3.3. Nguyên tắc tập trung dân chủ***

Nội dung của nguyên tắc này được thể hiện trên các mặt tổ chức và hoạt động của cơ quan nhà nước.

Cơ quan nhà nước ở trung ương quyết định những vấn đề cơ bản, quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... trên phạm vi toàn quốc.

Cơ quan nhà nước địa phương quyết định những vấn đề thuộc phạm vi địa phương mình một cách độc lập, cơ quan nhà nước trung ương có quyền kiểm tra giám sát hoạt động của các cơ quan địa phương, thậm chí có thể đình chỉ, hủy bỏ quyết định của cơ quan cấp dưới, đồng thời cũng tạo điều kiện cho các cơ quan địa phương phát huy quyền chủ động sáng tạo khi giải quyết các công việc, nhiệm vụ của mình.

Các quyết định, chủ trương của cấp trên phải thông báo kịp thời cho cấp dưới, các hoạt động của cấp dưới phải báo cáo kịp thời và đầy đủ cho cấp trên, nhằm đảm bảo sự kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới khi thi hành nhiệm vụ.

***1.3.4. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa***

Nguyên tắc này yêu cầu việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước đều phải nghiêm chỉnh và triệt để tôn trọng pháp luật, tăng cường kiểm tra giám sát và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật. Điều 12 Hiến pháp 2013 đã quy định cụ thể: "Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa".

Đây là nguyên tắc có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm cho tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước tuân theo ý chí của nhân dân, làm cho bộ máy nhà nước hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, phát huy được hiệu lực quản lý nhà nước.

***1.3.5. Nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc***

Nguyên tắc này được biểu hiện ở những điểm cơ bản về chính trị, về văn hóa giáo dục, kinh tế. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện chính sách đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm các hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Tất cả các dân tộc đều có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc mình. Tất cả các dân tộc đều có quyền và nghĩa vụ tham gia vào việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, có quyền bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

**2. Hệ thống pháp luật Việt Nam**

Để điều chỉnh kịp thời các quan hệ xã hội phát sinh trong mọi lĩnh vực cuộc sống, bất kỳ nhà nước nào cũng phải ban hành một số lượng rất lớn các văn bản, được biểu thị dưới hình thức khác nhau. Các văn bản này không phải được sắp xếp một cách ngẫu nhiên, thiếu trật tự, mà chúng được tồn tại một cách có hệ thống, trong đó các quy phạm pháp luật gắn bó hữu cơ và tác động qua lại chặt chẽ với nhau.

*Hệ thống pháp luật là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân định thành chế định pháp luật, các ngành luật và được thể hiện trong các văn bản pháp luật do nhà nước ban hành theo những trình tự, thủ tục và hình thức nhất định*

***2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật***

***2.1.1. Quy phạm pháp luật***

Trong hệ thống pháp luật của một nhà nước, quy phạm pháp luật là phần tử nhỏ nhất, tạo nên hệ thống pháp luật. Mỗi quy phạm pháp luật điều chỉnh một loại quan hệ xã hội nhất định, sự phong phú, đa dạng của các mối quan hệ xã hội đã tạo nên sự khác nhau giữa các quy phạm pháp luật. Nhà nước muốn hướng các quan hệ xã hội theo một trật tự nhất định, phù hợp với ý chí, nguyện vọng và lợi ích giai cấp mình. Ngoài việc thừa nhận và sử dụng các quy phạm xã hội (như quy phạm đạo đức, phong tục tập quán, tín ngưỡng...) để duy trì trật tự xã hội, đòi hỏi nhà nước phải ban hành và sử dụng các quy phạm pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội.

Quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành và có phạm vi tác động trên toàn lãnh thổ, các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội, mọi công dân đều phải tuân thủ, không phân biệt vị trí địa lý, trình độ văn hóa, dân tộc, địa vị xã hội... Do vậy, quy phạm pháp luật phải được trình bày một cách cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu.

*Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để điều chỉnh quan hệ xã hội theo những định hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định.*

Thông thường một quy phạm pháp luật đòi hỏi phải quy định đầy đủ những phần sau:

* Ai (hoặc tổ chức nào)? Khi nào? Trong điều kiện hoàn cảnh nào?
* Phải làm gì? Làm như thế nào?
* Phải gánh chịu hậu quả như thế nào nếu không thực hiện đúng mệnh lệnh của Nhà nước.

Dựa vào những đòi hỏi trên, chúng ta có thể chia quy phạm pháp luật thành các bộ phận sau:

*Giả định* là phần mô tả những tình huống thực tế, những hoàn cảnh cụ thể chịu sự tác động điều chỉnh của quy phạm pháp luật. Giả định thường nói về thời gian, địa điểm, các chủ thể và các hoàn cảnh thực tế mà trong đó mệnh lệnh của quy phạm được thực hiện.

Chẳng hạn, Điều 95 Luật Khiếu nại, tố cáo 1998 quy định: *"Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, người tố cáo có công trong việc ngăn ngừa thiệt hại cho nhà nước, tổ chức, cá nhân thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật"*. Phần giả định của quy phạm này là: *"Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, người tố cáo có công trong việc ngăn ngừa thiệt hại cho nhà nước, tổ chức, cá nhân".*

Những điều kiện, hoàn cảnh chủ thể được nêu ở phần giả định phải rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu và phải dự kiến tới mức tối đa những điều kiện hoàn cảnh có thể xảy ra trong cuộc sống mà pháp luật cần phải điều chỉnh. Có dự kiến được như vậy thì mới tránh được các "khe hở, lỗ hổng" trong pháp luật

*Quy định* là phần trung tâm của quy phạm pháp luật nêu lên những cách xử sự mà các chủ thể có thể hoặc buộc phải thực hiện gắn với những hoàn cảnh đã nêu ở phần giả định của quy phạm pháp luật. Nói cách khác, khi xảy ra những hoàn cảnh, điều kiện đã nêu ở phần giả định của quy phạm pháp luật thì nhà nước đưa ra những chỉ dẫn có tính chất mệnh lệnh (các cách xử sự) để các chủ thể thực hiện.

Phần quy định của quy phạm pháp luật được coi là phần cốt lõi của quy phạm, nó thể hiện ý chí và lợi ích của nhà nước, xã hội và cá nhân con người trong việc điều chỉnh quan hệ xã hội nhất định.

Phần quy định của quy phạm pháp luật thường được nêu ở dạng mệnh lệnh như: cấm, không được, phải, thì, được... mức độ chính xác, chặt chẽ, rõ ràng của các mệnh lệnh, chỉ dẫn được nêu trong phần quy định của quy phạm pháp luật là một trong những bảo đảm nguyên tắc pháp chế trong hoạt động của các chủ thể pháp luật.

Những mệnh lệnh (chỉ dẫn) của nhà nước được nêu trong phần quy định của quy phạm pháp luật đối với các chủ thể có thể là:

+ Những cách xử sự (hành vi) mà chủ thể được phép hoặc không được phép thực hiện;

+ Những lợi ích hoặc những quyền mà chủ thể được hưởng;

+ Những cách xử sự (hành vi) mà chủ thể buộc phải thực hiện, thậm chí là phải thực hiện chúng như thế nào.

Ví dụ: *"Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm"* (Điều 33 Hiến pháp 2013). Phần quy định của quy phạm này (được làm gì?) là: *"có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm".*

Trong một số trường hợp khác nhà nước còn nêu ra hai hoặc nhiều cách xử sự thích hợp cho phép các chủ thể có thể tự lựa chọn. Ví dụ: Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *"Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của mội trong hai bên kết hôn là cơ quan đăng ký kết hôn"* Trong trường hợp này các bên có thể lựa chọn đăng ký kết hôn tại UBND nơi thường trú của bên nam hoặc bên nữ.

*Chế tài:* khi các chủ thể ở vào những điều kiện hoàn cảnh đã nêu ở phần giả định, mà không thực hiện đúng các xử sự bắt buộc đã nêu ở phần quy định thì phải gánh chịu những hậu quả nhất định theo quy định của pháp luật. Hậu quả do nhà nước quy định mà chủ thể đó phải gánh chịu chính là bộ phận chế tài.

Chế tài là bộ phận trong đó nêu lên những biện pháp tác động mà nhà nước dự kiến sẽ áp dụng đối với những chủ thể không thực hiện mệnh lệnh của nhà nước đã nêu ở phần giả định.

Ví dụ: Khoản 1 Điều 132 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 quy định: *"* *Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm*.*".* Phần chế tài được chỉ dẫn cho chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật đối với chủ thể đã thực hiện hành vi nêu ở phần giả định của quy phạm này là: *"* *bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm".*

Chế tài là bộ phận quy định chung trong các quy phạm pháp luật, song cũng cần phân biệt không phải bất cứ chủ thể nào khi vi phạm đều chịu chung một loại chế tài. Tùy thuộc từng mối quan hệ xã hội mà các chủ thể tham gia khác nhau, hình thức chế tài áp dụng cũng được phân thành từng loại khác nhau

Thông thường chế tài các quy phạm pháp luật được chia thành 4 nhóm gồm:

* Chế tài hình sự: là hình phạt áp dụng với những người vi phạm pháp luật Hình sự. Chế tài hình sự do tòa án áp dụng như tử hình, tù có thời hạn, cải tạo không giam giữ…
* Chế tài dân sự: là các biện pháp tác động đến tài sản hoặc nhân thân của một bên đã gây ra thiệt hại cho một bên khác. Các hình thức cụ thể như: bồi thường thiệt hại, trả lại tài sản đã bị xâm phạm, hủy bỏ một xử sự không đúng.
* Chế tài hành chính: là biện pháp cưỡng chế áp dụng với những người vi phạm pháp luật Hành chính thể hiện qua hình thức xử lý vi phạm hành chính như: tịch thu tang vật, phương tiện dùng để vi phạm hành chính, buộc tháo dỡ khôi phục tình trạng ban đầu...
* Chế tài kỷ luật: là chế tài mà người đứng đầu của tổ chức áp dụng với nhân viên khi có sự vi phạm nội quy của tổ chức. Các biện pháp như: khiển trách, cảnh cáo, hạ mức lương, buộc thôi việc ...

***2.1.2. Chế định pháp luật***

Chế định pháp luật là một tập hợp hai hay một số quy phạm pháp luật điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội có tính chất chung và liên hệ mật thiết với nhau.

Khái niệm này chỉ rõ mối quan hệ gần gũi, mật thiết và không tách rời giữa các quy phạm pháp luật tạo thành chế định pháp luật. Vì vậy, khi thực hiện pháp luật phải tìm hiểu các quy phạm trong cùng một chế định, từ đó tìm ra quy phạm pháp luật mà mình cần.

***2.1.3. Ngành luật***

*Là tổng hợp các chế định pháp luật điều chỉnh các nhóm quan hệ xã hội cùng tính chất.*

Ví dụ : Luật Dân sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật Dân sự do nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các *quan hệ tài sản và các quan hệ nhân thân* dựa trên nguyên tắc bình đẳng về pháp lý, quyền tự định đoạt, quyền khởi kiện và trách nhiệm tài sản của những người tham gia quan hệ đó.

Luật Đất đai là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm những quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội hình thành trong lĩnh vực bảo vệ, quản lý và sử dụng đất đai.

Như vậy, các quy phạm pháp luật trong một ngành luật có chung một đối tượng điều chỉnh là các nhóm quan hệ xã hội có cùng một tính chất. Tuy nhiên có những mối quan hệ xã hội lại thuộc đối tượng điều chỉnh của nhiều ngành luật khác nhau nên việc phân chia hệ thống pháp luật thành các ngành luật không chỉ dựa vào đối tượng điều chỉnh mà còn dựa vào cả phương pháp điều chỉnh.

***2.1.4. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam***

Mỗi ngành luật đều có đối tượng và phương pháp điều chỉnh riêng. Đây là căn cứ quan trọng để phân biệt các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật.

*Hệ thống các ngành luật là tổng hợp các ngành luật có quan hệ thống nhất nội tại và phối hợp với nhau nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội trong các lĩnh vực khác nhau.*

Hiện nay, hệ thống các ngành luật trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiều ngành luật như: Luật Nhà nước, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật Đất đai, Luật Dân sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Kinh tế, Bộ luật Lao động, Luật Tài chính, Luật Hôn nhân gia đình...

Bên cạnh hệ thống pháp luật của quốc gia còn tồn tại hệ thống pháp luật quốc tế. Những quy phạm pháp luật quốc tế được hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa các quốc gia và thể hiện ý chí chung của quốc gia đó. Luật Quốc tế bao gồm Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế

***2.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật***

***2.2.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật***

Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp luật tiến bộ nhất, nó cũng được hình thành từ khi xuất hiện nhà nước Chủ nô. Tuy nhiên, ở các nhà nước Chủ nô và Phong kiến còn sử dụng ít, số lượng văn bản không nhiều, kỹ thuật xây dựng còn thấp, có khi chỉ là sự sao chép một cách đơn giản những tập quán, phong tục và các án lệ. Đến nhà nước Tư sản, hình thức văn bản này được sử dụng phổ biến, các loại văn bản cũng như kỹ thuật xây dựng văn bản đã có rất nhiều tiến bộ. Ở nhà nước XHCN những tiến bộ nói trên cũng được kế thừa và phát triển thêm một bước. Văn bản quy phạm pháp luật được coi là hình thức pháp luật được các nhà nước XHCN sử dụng phổ biến.

*Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục luật định, trong đó có các quy tắc xử sự chung được nhà nước đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội.*

***2.2.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nước ta hiện nay***

Căn cứ vào loại văn bản và thẩm quyền ban hành văn bản, các văn bản quy phạm pháp luật được chia thành văn bản luật và văn bản dưới luật.

***a. Các văn bản luật***

Văn bản luật là văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội - cơ quan cao nhất của quyền lực nhà nước, ban hành theo trình tự thủ tục và hình thức đã được quy định trong Hiến pháp.

Văn bản luật là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất. Mọi văn bản quy phạm pháp luật khác (văn bản dưới luật) khi ban hành đều phải dựa trên cơ sở của văn bản luật và không được trái với các quy định của các văn bản đó.

Văn bản luật gồm có: Hiến pháp, Luật (bộ luật, đạo luật), Nghị quyết của Quốc hội

*- Hiến pháp:* là đạo luật cơ bản (luật gốc) của nhà nước quy định những vấn đề cơ bản nhất của nhà nước như hình thức chính thể nhà nước, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, quyền và nghĩa vụ của công dân, hệ thống tổ chức, nguyên tắc hoạt động và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước

Hiến pháp thể chế hóa đường lối chính sách của Đảng trong mỗi giai đoạn cách mạng cụ thể; thể hiện tập trung ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động

Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, có giá trị pháp lý cao nhất. Hiến pháp là cơ sở để hình thành hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ.

*- Luật (bộ luật, đạo luật):* là văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội ban hành để cụ thể hóa Hiến pháp nhằm điều chỉnh các loại quan hệ xã hội trong các lĩnh vực hoạt động của nhà nước như: Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Kinh tế...

Luật (bộ luật, đạo luật) là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao sau Hiến pháp vì vậy khi xây dựng Luật (bộ luật, đạo luật) không được trái với nội dung của Hiến pháp.

*- Nghị quyết của Quốc hội* có chứa quy tắc xử sự chung được ban hành để quyết định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, điều chỉnh ngân sách nhà nước, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước, quy định chế độ làm việc của Quốc hội, các Ủy ban và hội đồng của Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội, phê chuẩn điều ước quốc tế và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

***b. Văn bản dưới luật***

Văn bản dưới luật là văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự thủ tục và hình thức đã được pháp luật quy định.

Văn bản dưới luật là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý thấp hơn các văn bản luật. Do đó, khi ban hành nội dung của các văn bản dưới luật phải phù hợp và không trái với các văn bản luật.

Giá trị pháp lý của các văn bản dưới luật cũng khác nhau tùy thuộc vào thẩm quyền của cơ quan ban hành.

Các văn bản dưới luật gồm:

* Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
* Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước
* Nghị định của Chính phủ
* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
* Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao
* Thông tư của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao
* Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ
* Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước
* Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với các cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội.
* Thông tư liên tịch giữa các cơ quan nhà nước như Chánh tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa các Bộ trưởng; Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ...
* Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; Chỉ thị, Quyết định của chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

*1.  Anh (chị) hãy nêu bản chất, chức năng của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

*2. Anh (chị) hãy trình bày các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

*3. Anh (chị) hãy trình bày khái niệm quy phạm pháp luật, chế định pháp luật, ngành luật.*

*4. Anh (chị) hãy nêu hệ thống các ngành luật của nước ta hiện nay.*

*5. Anh (chị) hãy nêu khái niệm văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống văn bản quy phạm luật của nước ta hiện nay.*

**BÀI 2**

**LUẬT NHÀ NƯỚC (LUẬT HIẾN PHÁP)**

**Giới thiệu:**

Đối với bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới, Hiến pháp là đạo luật quan trọng nhất trong hệ thống pháp luật. Bởi vì Hiến pháp quy định những vấn đề cơ bản nhất, tác động trực tiếp đến sự phát triển hay tồn tại của một chế độ chính trị, chế độ kinh tế. Do đó Hiến pháp được xem là ngành luật chủ đạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

**Mục tiêu:**

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

**Nội dung chính:**

**1. Luật Nhà nước trong hệ thống pháp luật Việt Nam**

***1.1. Khái niệm Luật Nhà nước***

Đối với bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới, Hiến pháp là đạo luật quan trọng nhất trong hệ thống pháp luật. Bởi vì Hiến pháp quy định những vấn đề cơ bản nhất, tác động trực tiếp đến sự phát triển hay tồn tại của một chế độ chính trị, chế độ kinh tế...

Luật Nhà nước (còn gọi là Luật Hiến pháp), là ngành luật chủ đạo trong hệ thống pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Nhà nước quy định những nguyên tắc về chế độ chính trị, chế độ kinh tế và xã hội, địa vị pháp lý của công dân, những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Đối tượng điều chỉnh của Luật Nhà nước là những quan hệ xã hội quan trọng nhất, những nhóm quan hệ xã hội liên quan đến tổ chức quyền lực nhà nước, đó là:

- Những quan hệ chủ yếu trong lĩnh vực chính trị như quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với nhau, giữa nhà nước và các cơ quan nhà nước với nhân dân, với các tổ chức xã hội, với các cơ quan nhà nước khác và các tổ chức quốc tế.

- Những quan hệ chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế như: quan hệ về sở hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu, quan hệ trong lĩnh vực phân phối sản phẩm xã hội, quan hệ giữa nhà nước với các thành phần kinh tế.

- Những quan hệ chủ yếu trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ.

- Những quan hệ chủ yếu giữa nhà nước với công dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và những đảm bảo của nhà nước cho sự phát triển toàn diện của mỗi công dân.

- Những quan hệ cơ bản trong quá trình hình thành hoạt động của các cơ quan nhà nước.

***1.2. Vị trí của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam***

Luật Nhà nước điều chỉnh những quan hệ xã hội quan trọng nhất trong một chế độ xã hội. Những quan hệ này mang tính chất quyết định đến bản chất chế độ xã hội. Luật Nhà nước đóng vai trò là cơ sở chỉ đạo cho các ngành luật khác hình thành và phát triển. Nó thể chế hóa các đường lối đối nội và đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam. Luật Nhà nước là biểu hiện tập trung nhất ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam.

Hiến pháp và các luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản, quan trọng gắn liền với việc xác định chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, khoa học công nghệ, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, phản ánh đặc điểm cơ bản của xã hội và nhà nước Việt Nam, gắn liền với việc tổ chức và thực hiện quyền lực của Nhà nước.

Hiến pháp là đạo luật cơ bản, quan trọng nhất, có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam, các văn bản pháp luật khác đều có hiệu lực pháp lý thấp hơn Hiến pháp và không được trái với Hiến pháp (Điều 119 Hiến pháp 2013)

**2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013**

Hiến pháp 2013 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 9 tháng 12 năm 2013 và có hiệu lực từ 1/1/2014. Hiến pháp 2013 gồm 11 chương, 120 điều. Sau đây là một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013.

***2.1. Chế độ chính trị và chế độ kinh tế***

***2.1.1. Chế độ chính trị***

Chế độ chính trị là hệ thống những nguyên tắc thực hiện quyền lực nhà nước. Chế độ chính trị là chế định của luật Hiến pháp, là tổng thể các quy định về những vấn đề có tính nguyên tắc chung làm nền tảng cho các chương sau của Hiến pháp như: bản chất nhà nước, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với hoạt động của nhà nước và xã hội, nguyên tắc tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bản chất là nhà nước "của dân, do dân và vì dân". Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức (Điều 2 Hiến pháp 2013). Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, các cơ quan quyền lực này do nhân dân trực tiếp bầu ra theo nhiệm kỳ là 5 năm, các cơ quan nhà nước khác đều bắt nguồn từ cơ quan quyền lực và chịu sự giám sát của cơ quan quyền lực (Điều 6 và điều 7 Hiến pháp 2013).

Mục đích của nhà nước ta là đảm bảo và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Nhà nước thi hành chính sách đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam. Nhà nước thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, đôi bên cùng có lợi (Điều 12 Hiến pháp 2013)

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nhà nước Việt Nam không những mang tính quy luật khách quan, mà còn được nhân dân Việt Nam thừa nhận và được quy định tại Điều 2 của Hiến pháp 2013.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân (Điều 9 Hiến pháp 2013)

***2.1.2. Chế độ kinh tế***

Chế độ kinh tế là một hệ thống quan hệ kinh tế được xây dựng trên cơ sở vật chất kỹ thuật nhất định, thể hiện tính chất và hình thức sở hữu đối với tư liệu sản xuất, các nguyên tắc sản xuất, phân phối và tiêu dùng sản phẩm xã hội và tổ chức quản lý nền kinh tế.

Theo quy định tại Điều 51, 52 Hiếp pháp 2013, nền kinh tế của nước ta nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật...

Mục đích của chế độ kinh tế là làm cho dân giàu, nước mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân trên cơ sở giải phóng được mọi năng lực sản xuất, phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế.

Hiến pháp quy định quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật của công dân.

***2.2. Chính sách xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, môi trường***

***2.2.1. Chính sách xã hội***

Chính sách xã hội được quy định tại các Điều 57, 58, 59 Hiến pháp 2013. Mục đích của chính sách xã hội là nhằm bảo vệ sức khỏe của nhân dân, thực hiện truyền thống "uống nước nhớ nguồn", chăm lo cho những đối tượng nghèo trong xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bà mẹ, trẻ em trong quan hệ gia đình.

***2.2.2. Chính sách văn hóa***

Nhà nước, xã hội bảo tồn và phát triển nền văn hóa Việt Nam với phương châm: dân tộc, hiện đại, nhân văn, kế thừa và phát huy giá trị của nền văn hiến Việt Nam, tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, phát huy mọi tài năng sáng tạo trong nhân dân.

Mục đích của chính sách văn hóa là nhằm bảo vệ những giá trị văn hóa dân tộc, xây dựng con người Việt Nam có sức khỏe, văn hóa, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân (Điều 60 Hiến pháp 2013).

***2.2.3. Chính sách giáo dục***

Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, Nhà nước phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục mầm non; cho giáo dục ở các vùng miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Tạo những điều kiện cho người khuyết tật, người nghèo được tham gia học văn hóa và học nghề (Điều 61 Hiến pháp 2013).

***2.2.4. Chính sách khoa học và công nghệ***

Khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ. (Điều 62 Hiến pháp 2013).

***2.2.5. Chính sách bảo vệ môi trường***

Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường nhằm quản lý, sử dụng có hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường (Điều 63 Hiến pháp 2013).

***2.3. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân***

***2.3.1. Quyền con người***

Quyền con người trong Hiến pháp 2013 có nhiều đổi mới so với những hiến pháp trước đó. Hiến pháp 2013 khẳng định quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Việc thực hiện quyền con người không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (Điều 14, 15, 16 Hiến pháp 2013).

***2.3.2. Quyền và nghĩa vụ công dân***

Mối quan hệ giữa nhà nước với công dân được thể hiện qua những quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp. Nguyên tắc cơ bản khi xác định quyền và nghĩa vụ của công dân là mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước pháp luật, trước nhà nước và xã hội, quyền và nghĩa vụ không tách rời (Điều 15, 16 Hiến pháp 2013).

Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp 2013 từ Điều 14 đến Điều 49. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là cơ sở để xác định địa vị pháp lý của công dân, là cơ sở cho mọi quyền và nghĩa vụ cụ thể của công dân, thể hiện trình độ, mức sống và nền văn minh của một Nhà nước.

***a. Các quyền cơ bản của công dân***

- Quyền tự do thân thể: công dân được nhà nước bảo hộ về sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm; việc bắt, giam giữ người phải do pháp luật quy định; mọi người có quyền hiến tặng mô, bộ phận cơ thể, hiến xác theo quy định của luật... (Điều 19, 20 Hiến pháp 2013).

- Quyền tự do cá nhân: quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, quyền bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín, quyền tự do đi lại và cư trú...(Điều 22, 23 Hiến pháp 2013).

- Quyền về dân chủ: công dân có quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật, quyền tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng; không lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để vi phạm pháp luật (Điều 24 đến Điều 26 Hiến pháp 2013).

- Quyền chính trị: công dân từ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và từ đủ 21 tuổi được ứng cử vào các cơ quan quyền lực của Nhà nước (Điều 27 Hiến pháp 2013).

- Quyền tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội: công dân được tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương, cả nước. Các cơ quan Nhà nước phải công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân. Công dân đủ 18 tuổi trở lên có quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân (Điều 28, 29 Hiến pháp 2013).

- Quyền khiếu nại tố cáo Hiến pháp 2013 quy định công dân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc bất cứ cá nhân nào.

Đây là một quyền dân chủ cơ bản đảm bảo cho công dân khả năng bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, đồng thời phát hiện ra những vi phạm trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội, giúp cho việc chỉnh đốn, củng cố tổ chức và cải tiến hoạt động của các cơ quan này.

Để ngăn chặn sự vi phạm quyền cơ bản này của công dân, Hiến pháp nêu rõ việc khiếu nại, tố cáo phải được cơ quan nhà nước xem xét và giải quyết trong thời hạn luật định. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác.

(Điều 30, 31 Hiến pháp 2013).

- Quyền kinh tế: công dân có quyền tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm, quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, sở hữu tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác (Điều 32, 33 Hiến pháp 2013).

- Quyền về xã hội: công dân có quyền việc làm và lựa chọn nghề nghiệp, quyền được bảo vệ sức khỏe, quyền bình đẳng nam nữ; bảo vệ các quyền của trẻ em; bảo vệ và chăm sóc người già; được nhà nước bảo hộ về hôn nhân và gia đình...(Điều 34 đến Điều 38 Hiến pháp 2013).

- Quyền về văn hóa: công dân có quyền học tập, quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, quyền sáng tạo văn học nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó; có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ để giao tiếp (Điều 39 đến Điều 43 Hiến pháp 2013).

***b. Nghĩa vụ công dân***

- Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc: Hiến pháp 2013 quy định "Công dân phải trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất" (Điều 45) và khẳng định "Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân" (Điều 46).

Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc không chỉ là tham gia quân đội và thực hiện nghĩa vụ quân sự mà bao gồm cả bảo vệ quốc phòng và bảo vệ an ninh.

Bảo vệ quốc phòng là bảo vệ, giữ gìn bờ cõi, chống xâm lược; bảo vệ an ninh là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng và Nhà nước, bảo vệ sự nghiệp xây dựng đất nước và cuộc sống an toàn của nhân dân. Hai mặt trận luôn gắn bó, quan hệ mật thiết với nhau nhằm mục tiêu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc được đặt ra là xuất phát từ đường lối, nguyên tắc cũng như truyền thống của dân tộc ta, đó là:

- Dựng nước phải đi đôi với giữ nước.

- Xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trên thực tế, các thế lực phản động và thù địch luôn tìm mọi cách chống phá nhằm xóa bỏ những thành quả cách mạng của nhân dân ta, lật đổ chủ nghĩa xã hội đang được xây dựng ở nước ta. Nếu chúng ta lơ là cảnh giác, không sẵn sàng đối phó thì sẽ lâm vào nguy cơ mới.

Với nội dung, tinh thần như trên, Hiến pháp 2013 đã ghi nhận quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của công dân.

- Nghĩa vụ tuân theo hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng (Điều 47 Hiến pháp 2013)

- Nghĩa vụ nộp thuế theo luật định (Điều 48 Hiến pháp 2013)

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

*1. Anh (chị) hãy nêu vị trí của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam.*

*2. Anh (chị) hãy nêu quy định về chế độ chính trị và chế độ kinh tế, chính sách văn hóa - xã hội.*

*3. Anh (chị) hãy nêu quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.*